

Số: 137/KH-THCSTT

Lai Vung, ngày 11 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2021-2022

PHẦN I CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Công văn số 574/GDĐT-THCS ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Lai Vung về việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2021-2022.

Công văn số 637/HD-GDĐT ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2021-2022.

Kế hoạch số 136/KH-THCSTT ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Trường THCS Tân Thành về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022.

II. Đặc điểm tình hình năm học 2021-2022

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục của địa phương

Xã Tân Thành nằm ở phía tây huyện Lai Vung, bên bờ Sông Hậu, có diện tích khoảng 17,9km², là một trong các xã nông thôn mới đầu tiên của huyện. Trung tâm xã Tân Thành được công nhận Đô thị loại V năm 2020. Kinh tế của xã kết hợp giữa các loại hình nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch, trong đó công nghiệp phát triển mạnh, được xem là địa bàn trung tâm về kinh tế của huyện. Tình hình an ninh trật tự luôn ổn định, mức sống và mức thu nhập của người dân khá, trình độ dân trí ngày càng được nâng lên.

Về giáo dục, xã có đủ các trường từ bậc học mầm non đến cấp trung học phổ thông. Toàn xã có 4/6 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Chất lượng, hiệu quả giáo dục của các trường trên địa bàn xã hằng năm được giữ vững ở mức cao.

2. Đặc điểm tình hình của trường

a) Quy mô trường, lớp, học sinh

Năm học 2021-2022 trường có 30 lớp với 1224 học sinh, cụ thể như sau:

TT	Lớp	Số học sinh					Số lớp
		Tuyển mới/ Lên lớp	Lưu ban	Cđi trong hè	Không ra lớp	Tổng cộng	
1	6	273	13	10	-	276	7
2	7	323	16	7	-	332	8
3	8	332	-	10	1	321	8
4	9	298	-	3	-	295	7
Tổng cộng		1.226	29	30	1	1224	30

b) Đội ngũ

- Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 66 người. Trong đó: Cán bộ quản lý: 03 người/01 nữ; giáo viên: 55 người/30 nữ (trong đó có 01 giáo viên TPT Đội; tỷ lệ giáo viên trên lớp 1,8); nhân viên và viên chức làm công tác hành chính: 08 người/04 nữ, gồm Kế toán, Thư viện, Thiết bị, Y tế, Văn thư, Bảo vệ (02 người), phục vụ.

- Trình độ

+ Chuyên môn: Thạc sĩ: 01, Đại học: 53, Cao đẳng: 8, Trung cấp: 01, trình độ khác: 03.

+ Chính trị: Trung cấp: 03 người; còn lại có trình độ sơ cấp trở xuống.

- Chất lượng đội ngũ của trường tương đối đồng đều; viên chức, người lao động của trường hằng năm đều được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó tỷ lệ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên khá cao.

c) Cơ sở vật chất

- Cơ sở vật chất của trường cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy học và giáo dục. Trường có 15 phòng học, 05 phòng bộ môn (Sinh học; Hóa học; Vật lý - Công nghệ; Tiếng Anh; Tin học) và các phòng làm việc, phòng chức năng như: Phòng hiệu trưởng; Phòng Phó hiệu trưởng; Văn phòng; Thư viện; Phòng Thiết bị dạy học; Phòng Y tế; Phòng Truyền thống; Phòng Đoàn thể.

- Ngoài ra trường có khu vực nhà xe, nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh được bố trí riêng biệt, thuận tiện.

- Cảnh quan môi trường luôn sạch, đẹp, thoáng mát; trường được công nhận đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp năm 2014 và công nhận lại đầu năm 2021.

III. Đánh giá chung

1. Điểm mạnh

Quy mô trường lớp ổn định; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng nhu cầu; khuôn viên, cảnh quan nhà trường thoáng mát, sạch đẹp.

Đội ngũ nhà giáo đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường, tích cực đổi mới phương pháp, nâng cao hiệu quả công việc.

Nền nếp, kỷ cương của nhà trường được giữ vững và phát huy, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức một cách thường xuyên, hiệu quả.

Chất lượng giáo dục ổn định, hằng năm có nhiều học sinh, giáo viên đạt giải cao trong các kỳ thi, hội thi các cấp.

2. Điểm yếu

- Còn thiếu giáo viên, nhân viên so với nhu cầu; chất lượng đội ngũ chưa cao; trường chưa có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi các cấp, nhất là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; tính chủ động, sáng tạo, quyết liệt trong công tác quản lý điều hành đôi lúc còn hạn chế.

- Một số học sinh chưa có ý thức trong học tập và rèn luyện; tỷ lệ học sinh yếu, kém còn ở mức cao; chất lượng kỳ thi học sinh giỏi các cấp, thi tuyển sinh lớp 10 còn thấp; tỷ lệ tốt nghiệp chưa bền vững.

- Các hoạt động giáo dục chưa phong phú, chưa thúc đẩy được nâng cao chất lượng giáo dục; công tác phối hợp với các lực lượng giáo dục đôi lúc chưa thường xuyên, thiếu chặt chẽ.

- Cơ sở vật chất tuy đã cơ bản đáp ứng được so với hiện tại, song chưa đảm bảo quy chuẩn; hệ thống phòng làm việc, phòng bộ môn còn thiếu; khu sân chơi, bãi tập chưa đủ diện tích; trang thiết bị dạy học một số bộ môn còn thiếu, hư hỏng nhiều; trường chưa có nhà đa năng phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

3. Cơ hội

- Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự đồng thuận của các ban ngành, đoàn thể và sự phối hợp chặt chẽ của phụ huynh học sinh.

- Nhu cầu đổi mới giáo dục ngày càng cao là yếu tố đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phải tích cực, chủ động hơn trong học tập, tiếp cận những cái mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

- Đời sống kinh tế ở địa phương ngày một phát triển nên ý thức trách nhiệm của nhân dân đối với công tác giáo dục ngày càng được chú trọng; sự quan tâm, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân đối với nhà trường ngày càng tăng.

4. Thách thức

- Việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa đi đôi với việc đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá là trở ngại đối với một bộ phận giáo viên.

- Nhu cầu xã hội đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng giáo dục trong khi điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ chưa đáp ứng đầy đủ cho việc dạy học, giáo dục là một thách thức đối với nhà trường.

PHẦN II

MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC

I. Mục tiêu chung

Tiếp tục hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh ở cấp THCS, từ đó giúp học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

Phát huy kết quả giáo dục đạt được của những năm học trước, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

II. Chỉ tiêu cụ thể

1. Chỉ tiêu chất lượng giáo dục

a) Chất lượng giáo dục toàn trường

- Đối với khối 6

+ Kết quả rèn luyện: Có 100% học sinh được xếp loại rèn luyện cả năm từ mức Đạt trở lên. Trong đó học sinh được xếp mức Tốt từ 90% trở lên.

+ Kết quả học tập: Học sinh được xếp loại kết quả học tập cả năm ở mức Đạt trở lên từ 98% (chưa kể đánh giá lại). Trong đó có từ 30% trở lên học sinh xếp loại Giỏi.

- Đối với các khối còn lại

+ Hạnh kiểm: Học sinh được xếp loại cuối năm về hạnh kiểm từ Trung bình trở lên đạt 100%. Trong đó học sinh được xếp loại hạnh kiểm Tốt đạt từ 90% trở lên.

+ Học lực: Học sinh được xếp loại học lực từ Trung bình trở lên (chưa kể đánh giá lại) đạt 98%. Trong đó có từ 30% trở lên học sinh có học lực Giỏi.

b) Chất lượng từng bộ môn:

- Đối với khối 6: Chỉ tiêu kết quả học tập cuối năm từ loại Đạt trở lên đối với các môn/hoạt động giáo dục như sau:

Môn	Toán	Ngữ văn	TA	KHTN	LS và DL	GD CD	Công nghệ	Tin học	GDTC	Âm nhạc	Mỹ thuật	LSDP	HDTNHN
Chi tiêu													
Tỷ lệ %	90	90	90	90	90	95	95	95	95	95	95	95	95

- Đối với các khối còn lại: Chỉ tiêu chất lượng bộ môn từ loại Đạt trở lên đối với các môn đánh giá bằng hình thức nhận xét và từ Trung bình trở lên đối với các môn còn lại.

Môn	Toán	Ngữ văn	TA	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD&CD	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục
Chi tiêu														
Tỷ lệ %	90	90	87	90	87	95	90	95	95	95	98	98	98	98
KQ20-21	90,8	91	86,5	89,3	84,9	94,9	91,6	94,8	95,2	96,9	98,5	100	100	100

2. Chỉ tiêu hoàn thành cấp học

- Chỉ tiêu học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS: từ 98% trở lên.
- Chỉ tiêu hiệu quả đào tạo: từ 85% trở lên.

3. Chỉ tiêu thi tuyển sinh vào lớp 10

+ Tổng số HS có điểm 3 môn thi từ 15 trở lên (không tính hệ số) đạt từ 70% trở lên trên tổng số HS dự thi. Trong đó điểm thi tuyển sinh từ 5 trở lên của môn Ngữ văn từ 75% trở lên, môn Toán từ 70% trở lên, môn Tiếng Anh từ 65% trở lên.

+ Không có học sinh có điểm 0 trong kỳ thi tuyển sinh.

+ Tổng điểm bình quân 3 môn là 19 điểm: Môn Toán: 6,5; Môn Ngữ văn: 6,5; Môn Tiếng Anh: 6.0

+ Độ lệch giữa HS có tổng điểm 3 môn thi từ 15 điểm trở lên (chưa tính hệ số) so với tỷ lệ HS dự thi có học lực cuối năm được xếp loại Khá, Giỏi không quá 5%.

4. Chỉ tiêu về tham gia các kỳ thi, hội thi

+ Kỳ thi HSG lớp 9 và Olympic tháng 4: Cấp huyện đạt 30 giải, cấp tỉnh đạt 03 giải (Phần đầu có học sinh đạt giải Nhất kỳ thi HSG cấp huyện và từ giải Nhì trở lên đối với kỳ thi HSG cấp tỉnh). Chỉ tiêu cụ thể cấp huyện như sau:

Môn	Ngữ văn	Toán	TA	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Địa lý	Lịch sử	Tin học
7	1	1	1	-	-	-	-	-	-
8	1	1	1	1	2	2	2	1	-
9	2	2	2	2	2	2	2	1	1
TC	4	4	4	3	4	4	4	2	1

+ Cuộc thi Khoa học kỹ thuật và ngày hội STEM cấp huyện 02 giải (phần đầu có giải nhì), cấp tỉnh 01 giải.

+ Hùng biện Tiếng Anh: Đạt ít 02 giải cấp huyện (phần đầu có giải nhất) và 01 giải cấp tỉnh.

+ Cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp dành cho học sinh THCS đạt giải Nhất cấp huyện và giải Ba cấp tỉnh.

12	HĐ TNHN	C.cờ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17	
		SHL	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
		TN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết			29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	29	493	

+ Các khối còn lại

TT	Tuần Môn/hoạt động	Khối 7		Khối 8		Khối 9		Ghi chú
		Tiết/ tuần	TS tiết HKII	Tiết/ tuần	TS tiết HKII	Tiết/ tuần	TS tiết HKII	
1	Toán	4	68	4	68	4	68	Chưa kê TC
2	Ngữ văn	4	68	4	68	5	85	Chưa kê TC
3	Tiếng Anh	3	51	3	51	3	51	
4	Hóa học	3	51	2	34	2	34	
5	Vật lý	1	17	1	17	2	34	
6	Sinh học	2	34	2	34	2	34	
7	Lịch sử	2	34	1	17	2	34	
8	Địa lý	2	34	2	34	1	17	
9	GDCD	1	17	1	17	1	17	
10	Công nghệ	2	34	1	17	1	17	
11	Môn/chủ đề tự chọn(*)	2	34	2	34	2	34	
12	Thể dục	2	34	2	34	2	34	
13	Âm nhạc	1	17	1	17	1	17	
14	Mỹ thuật	1	17	1	17	1	17	
Tổng số tiết		27	459	27	459	28	476	

b) Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục

- Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp (Khối 6)

TT	Chủ đề	Số tiết	Thời điểm/ Địa điểm tổ chức	Cá nhân/ bộ phận chủ trì	Cá nhân/ bộ phận phối hợp
1	Khám phá lứa tuổi và môi trường học tập mới	Số tiết: 12 - SHDC: 4 - SHL: 4 - SHCD: 4	Tuần: 01-04 Lớp học	GVCN	TPT Đội
2	Chăm sóc cuộc sống cá nhân	Số tiết: 12 - SHDC: 4 - SHL: 4 - SHCD: 4	Tuần: 05-08 Lớp học	GVCN	TPT Đội
3	Xây dựng tình bạn, tình thầy trò	Số tiết: 12 - SHDC: 4 - SHL: 4 - SHCD: 4	Tuần: 09-12 Lớp học	GVCN	GV môn GDCD
4	Nuôi dưỡng quan hệ gia đình	Số tiết: 12 - SHDC: 4 - SHL: 4 - SHCD: 4	Tuần: 13-16 Lớp học	GVCN	BĐD CMHS

5	Kiểm soát chi tiêu	Số tiết: 6 - SHDC: 2 - SHL: 2 - SHCD: 2	Tuần: 17-18 Lớp học	GVCN	TPT Đội
6	Xây dựng cộng đồng văn minh thân thiện	Số tiết: 12 - SHDC: 4 - SHL: 4 - SHCD: 4	Tuần: 19-22 Lớp học	GVCN	GV môn GDCD
7	Tìm hiểu nghề truyền thống Việt Nam	Số tiết: 12 - SHDC: 4 - SHL: 4 - SHCD: 4	Tuần: 23-26 Lớp học	GVCN	GV môn LS&ĐL
8	Phòng chống thiên tai và giảm thiểu biến đổi khí hậu	Số tiết: 12 - SHDC: 4 - SHL: 4 - SHCD: 4	Tuần: 27-30 Lớp học	GVCN	GV môn KHTN
9	Tôn trọng người lao động	Số tiết: 15 - SHDC: 5 - SHL: 5 - SHCD: 5	Tuần: 31-35 Lớp học	GVCN	GV môn LS&ĐL

- Hoạt động giáo dục NGLL (Khối 7, 8, 9)

TT	Chủ đề (số tiết)	Nội dung	Thời điểm/ Địa điểm tổ chức	Cá nhân/ bộ phận chủ trì	Cá nhân/ bộ phận phối hợp
1	Truyền thống nhà trường (2 tiết)	Nghe giới thiệu về truyền thống nhà trường; Tìm hiểu về nội quy và các quy định chung; Các hành vi học sinh không được làm; Tuyên truyền ANTT, ATGT, bạo lực học đường	Tháng 9/2021 Lớp học	GVCN	TPT Đội
2	Chăm ngoan học giỏi (2 tiết)	Thảo luận chủ đề: “Làm thế nào để học tập tốt theo lời Bác dạy; Hội thi rung chuông vàng chủ đề “Chăm ngoan học giỏi”	Tháng 10/2021 Lớp học	GVCN	Tổ Ngữ văn
3	Tôn sư trọng đạo (2 tiết)	Chào mừng kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11	Tháng 11/2021 Lớp học	GVCN	TPT Đội
4	Uống nước nhớ nguồn (2 tiết)	Tìm hiểu những con người anh hùng của quê hương đất nước; Tìm hiểu truyền thống cách mạng ở địa phương.	Tháng 12/2021 Lớp học; địa chỉ đỏ	GVCN	GV môn LS&ĐL
5	Mừng Đảng mừng Xuân (4 tiết)	Thảo luận chủ đề “Thanh thiếu niên phát huy truyền thống cách mạng của dân tộc”; Chủ đề : Mừng Đảng Mừng Xuân; Tìm hiểu về các trò chơi dân gian và các loại bánh dân gian	Tháng 01+02/2022 Lớp học	GVCN	TPT Đội

6	Tiến bước lên Đoàn (2 tiết)	Tọa đàm về vai trò của Đoàn và lý tưởng của thanh niên; Tổ chức diễn đàn “Tiến bước lên Đoàn”	Tháng 3/2021 Lớp học	GVCN	Chi Đoàn GV
7	Hòa bình hữu nghị (2 tiết)	Thảo luận về mối quan tâm của chúng em; Giáo dục hướng nghiệp: tổ chức theo chủ đề “Em sẽ làm gì”; Thi kể chuyện về các tấm gương anh hùng liệt sĩ	Tháng 4/2021 Lớp học	GVCN	TPT Đội
8	Bác Hồ kính yêu (2 tiết)	Hội thi chúng em kể chuyện Bác Hồ	Tháng 5/2021 Lớp học	GVCN	Tổ Ngữ văn

- Nội dung giáo dục địa phương

TT	Chủ đề/chuyên đề	Số tiết	Thời điểm/ Địa điểm tổ chức	Cá nhân/bộ phận chủ trì	Cá nhân/bộ phận phối hợp
1	Các vấn đề về văn hóa, lịch sử truyền thống của địa phương	12	Tuần 1-Tuần 12 Lớp học	Tổ LS&ĐL	
2	Các vấn đề về địa lí, kinh tế, hướng nghiệp của địa phương	12	Tuần 13-Tuần 24 Lớp học	Tổ LS&ĐL	
3	Các vấn đề về chính trị - xã hội, môi trường của địa phương	12	Tuần 25-Tuần 35 Lớp học	Tổ KHTN	GV GD&ĐT

- Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi

+ Đối với kỳ thi HSG lớp 9: Tiếp tục bồi dưỡng học sinh trong đội tuyển Olympic tháng 4 năm học 2020-2021, đồng thời tuyển chọn, bổ sung thêm nhân sự cho các môn còn thiếu để tham gia kỳ thi HSG cấp huyện.

+ Đối với kỳ thi HSG khối 7, 8 năm học 2020-2021: Tổ chức kỳ thi HSG lớp 7, 8 cấp trường vào tháng 11 để tuyển chọn, bồi dưỡng đội tuyển tham gia cuộc thi Olympic tháng 4 năm học 2021-2022 cấp huyện, đồng thời tạo nguồn cho đội tuyển HSG lớp 9 các năm học tiếp theo.

+ Đối với các hội thi khác: Giáo viên bộ môn phát hiện, giới thiệu, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu các lĩnh vực để tham gia các hội thi do ngành tổ chức.

- Công tác phụ đạo học sinh

Giáo viên bộ môn tổ chức phụ đạo học sinh từ đầu năm học thông qua các hình thức như phụ đạo trực tiếp trong giờ dạy, phụ đạo trái buổi, giao nội dung nhiệm vụ học tập cho học sinh tự học ở nhà.....

Đối tượng phụ đạo là những học sinh còn hạn chế năng lực học tập (học sinh có học lực yếu, kém ở năm học trước), học sinh còn hạn chế năng lực trong quá trình học tập thông qua việc khảo sát đầu năm.

c) Kiểm tra đánh giá

- Việc kiểm tra, đánh giá môn học và hoạt động giáo dục được thực hiện theo các Thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Cụ thể đối với Khối 6 thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGD&ĐT; đối với các khối còn lại thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BGD&ĐT, Thông tư số 26/2020/TT-BGD&ĐT,

- Thời gian, thời lượng kiểm tra định kỳ như sau:

Nhóm môn	Giữa HKI		Cuối HKI		Giữa HKII		Cuối HKII	
	Tgian	Tlương	Tgian	Tlương	Tgian	Tlương	Tgian	Tlương
Toán, Ngữ văn, KHTN	Tuần 9	90	Tuần 18	90	Tuần 27	90	Tuần 35	90
Tiếng Anh, LS&ĐL	Tuần 9	60	Tuần 18	60	Tuần 27	60	Tuần 35	60
Các môn còn lại	Tuần 9	45	Tuần 18	45	Tuần 27	45	Tuần 35	45
Hoạt động TNHN	Tuần 8	45	Tuần 18	45	Tuần 26	45	Tuần 34	45
Nội dung GDĐP	Đánh giá sau khi kết thúc mỗi chủ đề							

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Giải pháp thực hiện

1. Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Chỉ đạo tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo nghiên cứu bài học; định kỳ sinh hoạt chuyên môn để xây dựng bài học minh họa, tổ chức dạy học và dự giờ để phân tích, rút kinh nghiệm giờ dạy. Đẩy mạnh việc thực hiện các hoạt động chuyên môn trên môi trường mạng.

- Chủ động nghiên cứu nội dung, chương trình, sách giáo khoa phục vụ công tác giảng dạy và giáo dục, nhất là đối với chương trình GDPT 2018.

- Thực hiện hiệu quả các hoạt động dự giờ, hội giảng, thao giảng chuyên môn; tham gia thi giáo viên dạy giỏi các cấp.

- Tích cực, chủ động học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do ngành tổ chức, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng CNTT, thực hiện bồi dưỡng thường xuyên.

2. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học

a) Về đổi mới phương pháp dạy học

- Xây dựng kế hoạch bài dạy phải bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học. Mỗi bài học được xây dựng thành các các hoạt động với mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện; chú trọng các nội dung cốt lõi để tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học trực tiếp hoặc phối hợp giữa dạy học trực tiếp hoặc trực tuyến, đảm bảo linh hoạt, phù hợp và hiệu quả.

- Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học một cách linh hoạt, chủ động, sáng tạo. Chú trọng thực hiện các phương pháp giáo dục, hình thức tổ chức dạy học như: dạy học gắn với sản xuất kinh doanh, dạy học dự án, dạy học thông qua di sản, dạy học trải nghiệm, tích hợp, liên môn, giáo dục STEM,... việc đổi mới phương pháp dạy học được thực hiện trên cơ sở phân hóa đối tượng, loại hình năng lực và phẩm chất cần phát triển ở học sinh.

- Chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu SGK để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng.

b) Về đổi mới kiểm tra, đánh giá

Tổ chức kiểm tra đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau.

- Đối với đánh giá đánh giá thường xuyên được thực hiện bằng nhiều hình thức: Hỏi - đáp, viết; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Đối với bài kiểm tra, đánh giá định kỳ, xây dựng ma trận, đặc tả của đề kiểm tra theo tỷ lệ phù hợp giữa câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận. Các tổ chuyên môn xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra, đánh giá. Đối với các môn học, hoạt động giáo dục đánh giá bằng nhận xét như: Thể dục (GDTC6); Âm nhạc, Mỹ thuật (Nghệ thuật 6); hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp; nội dung giáo dục địa phương... khuyến khích giáo viên bộ môn thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ thông qua bài thực hành, dự án học tập phù hợp với đặc thù môn học, hoạt động giáo dục.

3. Nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục

Nâng cao chất lượng công tác chủ nhiệm lớp; đổi mới hình thức sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và các hoạt động giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp, giáo dục địa phương, hoạt động giáo dục NGLL.

Phối hợp đồng bộ 3 môi trường giáo dục, nắm sát và có biện pháp thích hợp đối với học sinh cá biệt, có nguy cơ bỏ học. Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, tổ chức ký cam kết học sinh không tham gia các tệ nạn xã hội, thực hiện tốt ATGT, giáo dục ý thức, động cơ, thái độ học tập, thực hiện tốt nội qui, 5 điều Bác Hồ dạy.

Nâng cao chất lượng dạy và học các môn năng khiếu và các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giáo dục toàn diện học sinh.

Phối hợp với các lực lượng xã hội khác ngoài nhà trường; tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương hỗ trợ nhà trường tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

4. Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động dạy học, giáo dục

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ; phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phụ trách từng nội dung kiểm tra.

Tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch kiểm tra của trường cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện của tổ. Tập trung kiểm tra các nội dung chủ yếu: công tác xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ/giáo viên, kế hoạch bài dạy của giáo viên; kiểm tra công tác tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục; kiểm tra việc thực hiện các quy định về kiểm tra, đánh giá; hồ sơ sổ sách...

Tổ chức sơ, tổng kết công tác kiểm tra từng nội dung vào từng thời điểm tháng, học kỳ và cuối năm nhằm phân tích, đánh giá được những mặt mạnh đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại, tìm giải pháp khắc phục tốt nhất, góp phần thúc đẩy các hoạt động giáo dục trong nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn.

II. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

- Chủ trì xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học trình Hội đồng trường phê duyệt; tổ chức triển khai Kế hoạch giáo dục đến toàn trường.

- Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhà trường; quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó các tổ theo Điều lệ trường.

- Theo dõi, chỉ đạo các tổ, bộ phận, cá nhân trong nhà trường xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục.

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục, dạy học của trường.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

- Giúp hiệu trưởng theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động chuyên môn và hoạt động của các bộ phận, cá nhân phục vụ công tác chuyên môn của trường.

- Tham mưu bố trí, sắp xếp thời khóa biểu cho hoạt động dạy học chính khóa, ngoại khóa và hoạt động giáo dục.

- Cụ thể hóa kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, ngoài giờ lên lớp; kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh còn hạn chế năng lực và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

3. Đối với Tổ trưởng

- Triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đến từng thành viên trong tổ. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn.

- Hướng dẫn, giúp đỡ giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy và phê duyệt kế hoạch theo thẩm quyền được giao.

- Tham mưu phân công công tác từng thành viên trong tổ; Tổ chức bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, trong đó chú trọng sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, chuyên đề, thảo luận các vấn đề liên quan CTGDPT 2018.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy để có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và báo cáo về lãnh đạo trường.

4. Đối với các đoàn thể

- Tuyên truyền, động viên đoàn viên tích cực, chủ động học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng tiêu chí thi đua của từng đoàn thể trong nhà trường, trong đó cần gắn với chất lượng, hiệu quả công tác.

5. Đối với giáo viên, nhân viên

- Xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch bài dạy bám sát vào chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của trường, của tổ chuyên môn.

- Tích cực, chủ động tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ, nghiệp vụ, nâng cao chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ được phân công.

- Phối hợp với các bộ phận, cá nhân trong và ngoài nhà trường tổ chức thực hiện việc dạy học, giáo dục.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (báo cáo);
- Hội đồng trường (báo cáo);
- Hiệu trưởng, các PHT;
- Các tổ, bộ phận, cá nhân trong trường;
- Website của trường;
- Lưu: VT, Qui.

(đã ký)

Võ Văn Long

PHỤ LỤC
PHÂN BỐ THỜI LƯỢNG DẠY HỌC ỨNG PHÓ VỚI COVID-19

(Kèm theo Kế hoạch 137/KH-THCSTT ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Trường THCS Tân Thành)

TT	Môn học		Thời lượng				Thời lượng				Thời lượng				Thời lượng				
			Khối 6				Khối 7				Khối 8				Khối 9				
			Tổng số tiết	Dạy trực tuyến	Dạy trực tiếp	HS tự học	Tổng số tiết	Dạy trực tuyến	Dạy trực tiếp	HS tự học	Tổng số tiết	Dạy trực tuyến	Dạy trực tiếp	HS tự học	Tổng số tiết	Dạy trực tuyến	Dạy trực tiếp	HS tự học	
1	Toán		140	86	54		140	50	90		140	64	75	1	140	55	84	1	
2	Ngữ văn		140	105	14	21	140	49	85	6	140	83	42	15	175	109	30	36	
3	Tiếng Anh		105	60	45	24	105	60	45	24	105	60	45	24	105	60	45	24	
4	GD&CD		35	16	19		35	16	19		35	16	19		35	16	19		
5	Lsử và Đlý	Lịch sử	53	40	13														
		Địa lý	52	35	16	1													
6	KHTN	H.học	30	16	14														
		Vật lý	52	28	26														
		S.học	58	15	43														
7	Nghệ thuật	Â.nhạc	35	8	27		35	8	27		35	8	27		17	4	13		
		M.thuật	35	24	6	5	35	24	6	5	35	24	6	5	18	10	5	3	
8	Công nghệ		35	23	6	6	52	44	8		53	16	32	5	35	9	23	3	
9	Tin học		35	27	8		70	36	20	14	70	42	13	15	70	41	21	8	
10	TD (GDTC)		70	35	35		70	22	28	20	70	22	28	20	70	22	28	20	
11	Vật lý						35	18	17		35	18	17		70	36	34		
12	Hóa học											50	20		70	36	34		
13	Sinh học						70	30	34	6	70	38	30	2	70	24	45	1	
14	Lịch sử						70	50	13	7	53	30	20	3	52	30	20	2	
15	Địa lý						70	35	23	12	52	27	16	9	53	23	20	10	